

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST

Ngày 07-5-2019

V/v “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuyên
2. Ông Nguyễn Văn Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GD tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện GD, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2019 về “Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm: 1987, (vắng mặt),

Địa chỉ: Ấp BR, xã TĐ, huyện GD, tỉnh TN;

- Bị đơn: Anh Nguyễn T D, sinh năm: 1987, (vắng mặt),

Địa chỉ: Ấp BR, xã TĐ, huyện GD, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12-02-2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn T D tự nguyện tổ chức lễ cưới với nhau vào năm 2008, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện GD. Ngày cưới bên chồng có cho 01 đôi bông tai, 01 sợi dây chuyền, 01 tấm lấc, nhẫn cưới, tất cả là vàng 24k không biết bao nhiêu, nhưng vợ chồng đã bán chi phí hết. Cưới xong vợ chồng sống chung nhà cha mẹ chồng tại ấp BR, xã TĐ, huyện GD. Vợ chồng sống đến tháng 01 năm 2019 xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh D thường xuyên ăn chơi, cờ bạc, cuộc sống khó khăn, vợ chồng thường xuyên cãi vã gây gổ nhau, chị khuyên nhưng anh D không nghe, nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng sống ly thân từ tháng 01-2019. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh D;

- *Về con chung, tài sản chung và nợ chung*: Không có, chị không yêu cầu giải quyết. Ngày 12-4-2019 chị N có đơn xin giải quyết vắng mặt do bận đi làm. Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Nguyễn T D: Tòa án đã xác minh, niêm yết các văn bản tố tụng để triệu tập anh D đến Tòa án làm việc theo quy định của pháp luật đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Qua làm việc với bà Nguyễn Thị B là mẹ của anh D thể hiện: Anh D là con của bà, hiện anh D có hộ khẩu và đang sinh sống với bà tại Ấp BR, xã TĐ, huyện GD, tỉnh TN. Các lần Tòa án gửi văn bản tố tụng mời anh D đến làm việc bà đều giao lại cho anh D đầy đủ, nhưng do anh D bận đi làm nên không đến Tòa án được. Bà biết anh D và chị N sống chung từ năm 2008, cách đây vài tháng vợ chồng D N không nói chuyện với nhau, nên N bỏ đi, do vợ chồng sống 10 năm nay mà không có con, cũng không có tài sản và không có nợ ai. Bà nghe anh D nói nếu N muốn ly hôn thì D cũng đồng ý ly hôn, do D bận đi làm nên không đến Tòa án được.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng là chị N, anh D đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Anh D vắng mặt lần thứ hai không có lý do; chị N có đơn xin giải quyết vắng mặt, nên xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh D; về con chung, tài sản chung và về nợ chung: Chị N khai không có, nên không giải quyết. Nếu sau này anh D có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn T D vắng mặt lần thứ hai không có lý do, chị N có đơn xin giải quyết vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Hôn nhân giữa chị Lê Thị N và anh Nguyễn T D là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, theo chị N thì do vợ chồng sống đến tháng 01 năm 2019 xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh D thường xuyên ăn chơi, cờ bạc, cuộc sống khó khăn, vợ chồng thường xuyên cãi vã gây gổ nhau, nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng sống ly thân từ tháng 01-2019.

Qua làm việc bà B là mẹ anh D thể hiện: anh D và chị Nhung sống chung mười năm nhưng không có con chung, cũng không có tài sản chung và cũng không có nợ ai. Ý kiến anh D cũng đồng ý ly hôn với chị N. Tòa án triệu tập anh D nhiều lần để thu thập chứng cứ, tiếp cận công khai chứng cứ và tham gia hòa giải, nhưng anh D vẫn vắng mặt.

Xét thấy, mâu thuẫn của hai anh chị xảy ra từ đầu năm 2019, do vợ chồng sống không có con chung, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã gây gổ nhau nên vợ

chồng sống ly thân đến nay. Tòa án mời anh, chị đến tiếp cận công khai chứng cứ và tham gia hòa giải nhiều lần, nhưng anh D vẫn không đến. Chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung, tài sản chung và về nợ chung*: Chị N khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết. Nếu sau này anh D có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: Chị N phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu tranh chấp ly hôn của chị Lê Thị N đối với anh Nguyễn T D. Chị N được ly hôn với anh D.

2. *Về con chung, tài sản chung và về nợ chung*: Chị N khai không có, không yêu cầu, nên không giải quyết. Nếu sau này anh D có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

3. *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: Chị N chịu 300.000 đồng. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị N đã nộp theo Biên lai thu số 0008722 ngày 12-02-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GD. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

Chị N, anh D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện GD;
- Chi cục THADS huyện GD;
- UBND xã TP;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị An

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁM- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tuyển

Nguyễn Văn Ninh

Nguyễn Thị An

